

Số: 06 /TB-TTPTQĐ

Bù Đăng, ngày 19 tháng 4 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc công khai lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Công văn số 535/UBND-NC ngày 10/3/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thực hiện Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của UBND huyện Bù Đăng về việc phê duyệt chủ trương và Phương án đấu giá quyền sử dụng đất lô đất có ký hiệu Lô 02 thuộc khu đất công vụ Trường THCS Nghĩa Trung, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của UBND huyện Bù Đăng về việc đấu giá quyền sử dụng đất lô đất có ký hiệu Lô 02 thuộc khu đất công vụ Trường THCS Nghĩa Trung, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 822/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của UBND huyện Bù Đăng về việc phê duyệt chủ trương và Phương án đấu giá quyền sử dụng đất 05 lô đất thuộc khu đất xây dựng nhà liên kế (có ký hiệu NL-1) sau Bưu điện xã tại Trung tâm Hành chính xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của UBND huyện Bù Đăng về việc đấu giá quyền sử dụng đất 05 lô đất thuộc khu đất xây dựng nhà liên kế (có ký hiệu NL-1) sau Bưu điện xã tại Trung tâm Hành chính xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 828/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của UBND huyện Bù Đăng về việc phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất lô đất có ký hiệu Lô 02 thuộc khu đất công vụ Trường THCS Nghĩa Trung, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Căn cứ Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của UBND huyện Bù Đăng về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất 05 lô đất thuộc khu đất xây dựng nhà liên kế (có ký hiệu NL-1) sau Bưu điện xã tại Trung tâm Hành chính xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bù Đăng (sau đây gọi tắt là Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện



Bù Đăng) thông báo công khai việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thực hiện cuộc đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất với các nội dung cụ thể như sau:

1. Đơn vị có tài sản đấu giá:

Tên đơn vị: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện là ông Trần Văn Dũng – Chức vụ: Giám đốc;

- Địa chỉ: Quốc lộ 14, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng, giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

a) Quyền sử dụng đất lô đất có ký hiệu Lô 02 thuộc khu đất công vụ Trường THCS Nghĩa Trung, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước:

- Vị trí: Khu đất tọa lạc tại Thôn 1, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước;

- Tổng diện tích: 397,3 m²;

- Hạ tầng kỹ thuật: Đường giao thông theo quy hoạch;

- Tài sản gắn liền với đất: Không có tài sản gắn liền với đất (đất trống).

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn;

- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

- Giá khởi điểm: 1.112.440.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, một trăm mười hai triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*).

b) Quyền sử dụng đất 05 lô đất thuộc khu đất xây dựng nhà liên kế (có ký hiệu NL-1) sau Bru điện xã tại Trung tâm Hành chính xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước:

- Vị trí: 05 lô đất tọa lạc tại Thôn Sơn Phú, xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước;

- Tổng diện tích của 05 lô đất: 718,8m²;

- Hạ tầng kỹ thuật: Đường giao thông theo quy hoạch;

- Tài sản gắn liền với đất: Không có tài sản gắn liền với đất (đất trống);

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn;

- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

- Tổng giá khởi điểm của 05 lô đất: 2.395.221.000 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, ba trăm chín mươi lăm triệu, hai trăm hai mươi một nghìn đồng*), chi tiết cụ thể như sau:

| STT | Ký hiệu lô đất | Tờ bản đồ số | Thửa đất số | Diện tích (m ²) | Đơn giá (đồng/m ²) | Thành tiền (làm tròn) (đồng) |
|----------------------------|----------------|--------------|-------------|-----------------------------|--------------------------------|------------------------------|
| 1 | Lô số 3 | 19 | 509 | 150,8 | 3.600.000 | 542.880.000 |
| 2 | Lô số 4 | 19 | 510 | 128,7 | 3.000.000 | 386.100.000 |
| 3 | Lô số 5 | 19 | 511 | 127,4 | 3.000.000 | 382.200.000 |
| 4 | Lô số 6 | 19 | 512 | 161,2 | 3.780.000 | 609.336.000 |
| 5 | Lô số 7 | 19 | 513 | 150,7 | 3.150.000 | 474.705.000 |
| Tổng cộng 05 lô đất | | | | 718,8 | | 2.395.221.000 |

c) Tổng giá khởi điểm của 02 tài sản (a+b): 3.507.661.000 đồng (*Bằng chữ: Ba tỷ, năm trăm lẻ bảy triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn đồng*).

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản và đánh giá chấm điểm tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

a) Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Các tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại Khoản 4, Điều 56 Luật đấu giá năm 2016 và Điều 3 Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, cụ thể:

- Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá;
- Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả;
- Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản;
- Nhóm tiêu chí về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp;
- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố;
- Nhóm tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

b) **Đánh giá, chấm điểm tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:**

Được thực hiện theo Điều 5 Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.



(Có bảng chi tiết tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản kèm theo).

4. Hồ sơ đăng ký tham gia thực hiện cuộc đấu giá bao gồm:

- Bản sao chứng thực đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập tổ chức đấu giá.
- Các tổ chức đấu giá tài sản đủ điều kiện lập hồ sơ tham dự theo biểu tiêu chí đính kèm với Thông báo này.

5. Các hồ sơ, tài liệu, thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn: Từ ngày 19/4/2022 đến 17 giờ 30 phút ngày 22/4/2022.
- Địa điểm, hình thức tiếp nhận hồ sơ: Tổ chức đấu giá tài sản nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Bù Đăng (bên trong Trụ sở UBND huyện Bù Đăng).

Lưu ý:

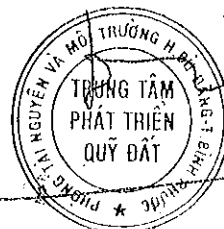
- Tổ chức đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với các thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình;
- Người đại diện tổ chức đấu giá tài sản đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu và chứng minh thư nhân dân (thẻ căn cước công dân).
- Không hoàn trả hồ sơ hồ sơ đã nộp với bất kỳ lý do nào.

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Bù Đăng thông báo đến các tổ chức đấu giá tài sản biết để đăng ký tham gia./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- VP HĐND và UBND huyện;
- Cổng TT điện tử quốc gia về đấu giá tài sản;
- Cổng TT điện tử của UBND huyện Bù Đăng;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Dũng



**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ,
CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**
(Kèm theo Thông báo số 00 /TB-TTPTQĐ ngày 19/4/2022 của Trung tâm Phát triển
quỹ đất huyện Bù Đăng)

| TT | NỘI DUNG | MỨC TỐI ĐA |
|-----|---|-------------|
| I | Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá | 23,0 |
| 1 | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá | 11,0 |
| 1.1 | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...) | 6,0 |
| 1.2 | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện | 5,0 |
| 2 | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá | 8,0 |
| 2.1 | Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá | 4,0 |
| 2.2 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá | 4,0 |
| 3 | Có trang thông tin điện tử đang hoạt động | 2,0 |
| 4 | Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến | 1,0 |
| 5 | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá | 1,0 |
| II | Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án) | 22,0 |
| 1 | Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan | 4,0 |
| 2 | Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao | 4,0 |
| 3 | Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giã | 4,0 |
| 4 | Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá | 4,0 |
| 5 | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá | 3,0 |
| 6 | Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá | 3,0 |
| III | Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản | 45,0 |
| 1 | Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện theo các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5 và phải cung cấp sao y bản chính Thanh lý Hợp đồng đối với các mục trên) | 6,0 |
| 1.1 | Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào) | 2,0 |
| 1.2 | Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng | 3,0 |



| TT | NỘI DUNG | MỨC TỐI ĐA |
|-----|---|-------------|
| 1.3 | Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng | 4,0 |
| 1.4 | Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng | 5,0 |
| 1.5 | Từ 30 hợp đồng trở lên | 6,0 |
| 2 | Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện và phải cung cấp sao y bản chính Thanh lý Hợp đồng đối với các mục trên) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5 | 18,0 |
| 2.1 | Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch) | 10,0 |
| 2.2 | Từ 20% đến dưới 40% | 12,0 |
| 2.3 | Từ 40% đến dưới 70% | 14,0 |
| 2.4 | Từ 70% đến dưới 100% | 16,0 |
| 2.5 | Từ 100% trở lên | 18,0 |
| 3 | Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3 | 5,0 |
| 3.1 | Dưới 03 năm | 3,0 |
| 3.2 | Từ 03 năm đến dưới 05 năm | 4,0 |
| 3.3 | Từ 05 năm trở lên | 5,0 |
| 4 | Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3 | 3,0 |
| 4.1 | 01 đấu giá viên | 1,0 |
| 4.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên | 2,0 |
| 4.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên | 3,0 |
| 5 | Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3 | 4,0 |
| 5.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên | 2,0 |
| 5.2 | Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên | 3,0 |
| 5.3 | Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên | 4,0 |
| 6 | Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4 | 5,0 |
| 6.1 | Dưới 50 triệu đồng | 2,0 |
| 6.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng | 3,0 |
| 6.3 | Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng | 4,0 |
| 6.4 | Từ 200 triệu đồng trở lên | 5,0 |

